

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY****thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, Chính quyền, quân và dân thành phố. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, chủ trương và chính sách đã được đề ra trong Nghị quyết coi đây là “Chìa khóa vàng” để thúc đẩy cơ hội đưa thành phố Hải Phòng phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW thành mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp thực tiễn phát triển mạnh mẽ của thành phố Hải Phòng, bảo đảm tính khả thi với yêu cầu chỉ tiêu bằng hoặc cao hơn so với Nghị quyết số 57-NQ/TW với Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị và Kết luận số 96-KL/TW, ngày 30/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên, phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ chất lượng và hiệu quả; gắn với mục tiêu, chỉ tiêu nghị quyết đại hội đảng bộ thành phố các nhiệm kỳ đến năm 2045; đồng thời, tiếp tục thực hiện có hiệu quả và vượt mức các chỉ tiêu tại Kết luận số 312-KL/TU, ngày 15/02/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 16/5/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá XIV về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của Thành phố, trong đó lấy Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính đẩy nhanh chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực đồng thời là mục tiêu phát triển và bền vững phát triển kinh tế - xã hội; tạo ra các giá trị tăng trưởng mới từ kinh tế số, với ba trụ cột kinh tế: công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại, hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân, tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo nền tảng vững chắc để đưa thành phố trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt; trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển.

b) Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Tỷ trọng đóng góp năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) và GRDP đạt 62-65%¹ vào năm 2030
- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) hàng năm của Thành phố giữ vững Top đầu cả nước, đạt Top 3 toàn quốc trở lên.
- Đến năm 2030, Thành phố phấn đấu lọt top 200² thành phố có chỉ số hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu.
- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số doanh nghiệp thành phố. Số lượng doanh nghiệp KH&CN là 150³ doanh nghiệp, Thành phố phấn đấu có số lượng doanh nghiệp KH&CN đạt top đầu cả nước; tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến. Thu hút ít nhất 01 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố.

¹ Theo cách tính TFP giả định GRDP tăng 18%/năm thì TFP các năm lần lượt là: 2025: 47%; 2026: 50-51%; 2027: 53-54%; 2028: 56-58%; 2029: 59-62%; 2030: **62-65%**)

² Phấn đấu 05 năm nữa TP có chỉ số bằng Hà nội năm 2024 đứng thứ 157, TPHCM đứng thứ 111 (trong Top 200)

³ Số lượng doanh nghiệp KH&CN theo KL 312 là 70 doanh nghiệp, tuy nhiên đến hết năm 2025 dự kiến đã là 89 doanh nghiệp, trong năm 2023 tăng 15 doanh nghiệp, 2 năm 2024-2025 mỗi năm tăng 18 doanh nghiệp thì khả năng mỗi năm tăng thêm 12 doanh nghiệp trong giai đoạn 2026-2030 là hoàn toàn khả thi đạt 150 doanh nghiệp

- Hải Phòng có từ 2 - 3 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 19%/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030 đạt 55%; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2030 đạt trên 70%⁴.

- Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình đến năm 2030 đạt 20%-22%/năm

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 10%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Thành phố, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

- Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 90% trở lên; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; phần đầu bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách thành phố hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp thành phố, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

- Hình thành nền tảng dữ liệu và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp, hoàn thành cung cấp định danh số, danh tính số trên nền tảng di động cho người dân và doanh nghiệp.

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Quy mô kinh tế số chiếm 40%⁵ GRDP thành phố.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 30%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm tối thiểu đạt 18%.

- Hạ tầng băng thông rộng phủ 100% hộ gia đình, 100% xã, phường, thị trấn.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

⁴ Theo chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội phục vụ xây dựng Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa XVI, Trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ XVII

⁵ Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu: Theo NQ 57 là 30%, NQ 03 về chuyển đổi số của TP là 35%GDP, Sở đề xuất 40% để phù hợp với QĐ 1516/TTg về quy hoạch thành phố.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử, giao dịch không dùng tiền mặt trên 85%⁶.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%.

- Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo:

+ Đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được trang bị đầy đủ cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số trong giáo dục; phấn đấu đạt mức độ chuyển đổi số mức 2 trở lên đối với trên 95% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên⁷, trên 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục.

+ 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy tiến tới trường học không giấy tờ; triển khai tuyển sinh đầu cấp hoàn toàn trên môi trường số.

+ 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai hệ thống quản lý và giảng dạy trực tuyến trong giảng dạy, bồi dưỡng giáo viên; 90% các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai hệ thống thư viện số liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố.

+ 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.

+ 95% các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục; trên 80% các cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

+ 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

+ Các trường Đại học trên địa bàn thành phố dịch chuyển cơ cấu trình độ và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế tri thức và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu; tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán đạt 65%.

⁶ Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử; NQ 57 là 80%, Sở đề xuất 85% theo xu hướng tăng của GDP thành phố

⁷ Được hiểu là các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học

- Đảm bảo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu chung giao tại Nghị quyết 57-NQ/TW và Chương trình hành động số 03/NQ-CP (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)⁸.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nguồn lực quan trọng, chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đưa Hải Phòng trở thành thành phố có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu Châu Á và thế giới. Tăng trưởng kinh tế dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phân đầu kinh tế số chiếm 60% GRDP thành phố, hướng tới phát triển kinh tế - xã hội bền vững, là một trong những trung tâm công nghệ số của đất nước, thuộc top 3 toàn quốc về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phân đầu lọt top 100 thành phố có chỉ số hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn cầu; tỷ lệ doanh nghiệp số tương đương các nước phát triển 1/1000 doanh nghiệp; có từ 2 doanh nghiệp số ngang tầm nước tiên tiến; thu hút thêm từ 3 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Hải Phòng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức quán triệt, học tập sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành vượt mức các Nghị quyết, Kết luận có liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số số 03-NQ/TU, Kết luận số 312-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần về đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện, phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ.

- Nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

⁸ Các chỉ tiêu khác bám sát theo chỉ tiêu của Nghị quyết 57, Chương trình hành động số 03 của Chính phủ, KL 312-KL/TU, Nghị quyết 03-NQ/TU của thành phố về Chuyển đổi số

được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào "học tập số", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bằng các hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao nhận thức, quyết tâm, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phấn đấu các văn bản pháp luật, các tin, bài liên quan về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được đăng tải trên Trang thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật, tủ sách pháp luật điện tử.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp theo hướng chuyển từ "tuyên truyền" sang "truyền thông" với công thức "6T"- "Tiên phong, trí tuệ, trúng, thiết thực, thuyết phục, tiên tiến" trên cơ sở chuyển đổi số, ứng dụng những thành tựu về công nghệ thông tin, mức độ ảnh hưởng của mạng xã hội trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

- Phát động phong trào thi đua thiết thực trong từng ngành, từng lĩnh vực, thu hút sự tham gia của đông đảo cán bộ, đảng viên, đội ngũ trí thức, người dân và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện cuộc cách mạng chuyển đổi số.

- Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tiếp tục thể chế hoá đầy đủ và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, vượt trội để khuyến khích và thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó cho phép thí điểm đối với các vấn đề mới thực tiễn đặt ra, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu; Chú trọng xây dựng các chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Có chính sách khuyến khích, thúc đẩy gắn kết viện, trường với doanh nghiệp để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất, kinh doanh. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, kinh doanh. Phát triển các trung tâm nghiên cứu, trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.

- Nghiên cứu, đề xuất thành lập khoa tài năng trong các trường đại học, cao đẳng về công nghệ thông tin, tự động hóa... nhằm thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, làm chủ công nghệ cho các ngành, lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các địa phương, ban, ngành, doanh nghiệp, để xây dựng và triển khai các kế hoạch, đề án, chương trình hành động một cách đồng bộ, trong đó xem xét đầu tư nâng cấp các đơn vị sự nghiệp công lập khoa học công nghệ thành các tổ chức khoa học công nghệ có quy mô cấp Vùng đồng bằng sông Hồng, quốc gia và tích cực phối hợp với các cơ quan trung ương để nâng cấp, phát triển một số cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo về biển từng bước đạt tầm cỡ Châu Á.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Huy động tỷ lệ đóng góp của các doanh nghiệp và xã hội hóa, thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thúc đẩy, khuyến khích khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng số lượng và quy mô phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) để huy động nguồn lực đầu tư. Tích cực tìm kiếm nguồn vốn ODA, đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi nhất thu hút nguồn vốn FDI để thực hiện các dự án lớn. Có các chính sách đặc biệt nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế cho

ứng dụng và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đảm bảo và cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng năm phấn đấu đạt 3% ngân sách chi thành phố; bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khoa học - công nghệ hiện đại, đồng bộ. Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung và Trung tâm ươm tạo công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hình thành và xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo; các trung tâm nghiên cứu và phát triển gắn với kinh tế biển nhằm thu hút tổ chức và đội ngũ chuyên gia biển đẳng cấp quốc tế. Đầu tư xây dựng hạ tầng thông tin khoa học công nghệ, đặc biệt là hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ. Đầu tư xây dựng Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Hải Phòng. Đầu tư xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng tại Thành phố. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, phát triển các dịch vụ đô thị thông minh. Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng. Thành lập và vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm tại thành phố. Thí điểm mô hình “Chính quyền số tiên phong” tại một số quận, huyện.

- Tập trung nguồn lực phát triển một số lĩnh vực khoa học, công nghệ hiện đại, nhất là lĩnh vực kinh tế biển để Hải Phòng sớm trở thành thành phố có công nghiệp, dịch vụ hiện đại, trung tâm kinh tế, khoa học và công nghệ biển mang tầm quốc tế. Ưu tiên nguồn lực thúc đẩy công nghệ cao và thu hút doanh nghiệp đầu tư công nghệ cao vào thành phố.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên địa bàn thành phố. Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ viễn thông chất lượng cao. Phát triển hạ tầng mạng di động tốc độ cao từ 5G trở lên, ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn thành phố. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến, công nghệ điện tích đám mây và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu của thành phố. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp internet vạn vật (IoT), xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu của thành phố. Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu của thành phố, kết nối với trung tâm dữ liệu vùng và quốc gia. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công.

- Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược của thành phố.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài trong các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học; xác định lĩnh vực, hướng nghiên cứu trọng điểm, ưu tiên gắn với yêu cầu đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tập trung phát triển mạnh nhân lực khoa học và công nghệ nhất là nhân lực trong các ngành trọng điểm của thành phố như công nghiệp công nghệ cao, cảng biển, logistic, điện, điện tử, chip bán dẫn... Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, chú trọng hình thành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhóm chuyên gia có uy tín đạt trình độ quốc tế, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, xuất khẩu nhân lực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin hiện có, tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài nhằm thu hút người có trình độ cao về Hải Phòng làm việc, sinh sống. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo tài năng trên các lĩnh vực. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài thành phố. Phát triển đội ngũ giảng viên, các nhà khoa học đủ năng lực, trình độ trong các lĩnh vực công nghệ chip bán dẫn, vi mạch, kỹ thuật, công nghệ thông tin và công nghệ then chốt; đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín trong và ngoài nước; hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo. Hằng năm, tổ chức gặp mặt các nhà khoa học là người Hải Phòng và các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác đang quan tâm, nghiên cứu đến thành phố, gắn với triển lãm công nghệ mới.

- Xây dựng kế hoạch chuẩn bị từ sớm, từ xa nguồn nhân lực khoa học công nghệ trong tương lai thông qua tăng cường trang bị kiến thức về khoa học công nghệ, rèn luyện năng lực sáng tạo trong trường phổ bằng hình thức đào tạo STEM và STEAM, đẩy mạnh liên kết giữa các trường đào tạo chuyên ngành về khoa học, công nghệ với các trường phổ thông để định hướng tuyển sinh đầu vào đại học, cao đẳng và tư vấn nghề nghiệp lâu dài. Thiết lập cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thuộc nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ tiếp nhận các sinh viên thực tập từ khu vực đại học, cao đẳng.

- Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường hợp tác với trí thức người Việt Nam sinh sống, làm việc ở nước ngoài, trí thức người nước ngoài trong chuyển giao, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những lĩnh vực mới, quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Xây dựng chính quyền số hoạt động hiệu quả, công khai, minh bạch, gắn với cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Chuyển đổi số phải được triển khai đồng bộ trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính- xã hội các cấp, doanh nghiệp và người dân toàn thành phố; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Xây dựng chính quyền xanh, văn minh, hiện đại trong triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện” ở cấp xã; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ. Phát triển hạ tầng kết nối dùng chung các cơ quan nhà nước, Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn kết với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố như đổi mới quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực khoa học công nghệ và nguồn lực để phát triển đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số hệ thống các tổ chức trung gian khoa học công nghệ; khuyến khích và hỗ trợ chuyển đổi số trong các doanh nghiệp khoa học công nghệ của thành phố.

- Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo môi trường sản xuất kinh doanh minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển thương mại, thị trường xuất, nhập khẩu.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở của thành phố, trung tâm tích hợp dữ liệu của thành phố trên nền tảng điện toán đám mây, Cổng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước. Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp thành phố. Xây dựng ứng dụng đa nền tảng phục vụ điều hành, quản lý tổng thể của chính quyền. Xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng số thành phố. Ứng dụng mạnh

mẽ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động.

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường mạng, thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính quyền số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng. Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý. Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố. Xây dựng Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng, hệ thống phòng chống mã độc tập trung của thành phố. Xây dựng, phát triển các ứng dụng số đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp để đổi mới mô hình và hoạt động của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Các doanh nghiệp cần chủ động ứng dụng và tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong xây dựng nền tảng công nghệ để phát triển thương mại điện tử về chiều sâu và khởi nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng một số xu thế lớn về biến đổi công nghệ và những triển khai ứng dụng cụ thể để phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng và áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt để hỗ trợ đối với các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Chú trọng xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số chiến lược trong thành phố quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, thành lập các trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm chuyển đổi số; đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây để chuyển giao thành tựu nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố.

- Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho quá trình phát triển đô thị thông minh.

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm giao dịch thương mại điện tử của các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực:

Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Có kế hoạch cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, hợp tác với các địa phương khác, các nước phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tập trung đẩy mạnh hợp tác, mở rộng và làm sâu sắc hơn hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến, đang đi đầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, chip-bán dẫn, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác. Có chính sách mua, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện của thành phố.

- Ký kết các chương trình phối hợp, hợp tác về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng tài liệu, ấn phẩm cung cấp thông tin về môi trường, đầu tư kinh doanh của thành phố cho các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư. Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đầu tư vào thành phố. Tăng cường hợp tác để tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến.

- Tổ chức các đoàn công tác, khảo sát, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước đi đầu về khoa học, công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các thành tựu, các mô hình thành công, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố.

- Tích cực tham gia các chương trình hợp tác nghiên cứu quốc tế. Ưu tiên tham gia các dự án nghiên cứu về công nghệ số tiên tiến, các giải pháp chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, do đồng chí Bí thư Thành ủy là Trưởng Ban; thành lập tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo thành phố - Hoàn thành trong tháng 02/2025.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố:

Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện các quy định về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định. (Thực hiện thường xuyên hàng năm).

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương,

đơn vị thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này, đảm bảo thực hiện thành công các chỉ tiêu được giao - *Hoàn thành trong tháng 3/2025*.

- Phối hợp với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố cụ thể hóa các cơ chế, chính sách nêu trong Chương trình hành động này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện (*Thực hiện thường xuyên hàng năm*).

4. Ban Tuyên giáo Thành ủy:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; kịp thời phản ánh về tình hình, kết quả triển khai học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết ở các cấp, các ngành, địa phương trong thành phố (*Thực hiện thường xuyên hàng năm*).

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy (*Thực hiện thường xuyên hàng năm và đột xuất khác theo yêu cầu*).

5. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: Hàng năm xây dựng Kế hoạch và thực hiện kiểm tra trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy trong việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này (*Thực hiện thường xuyên hàng năm*)

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của thành phố lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hướng dẫn, tuyên truyền, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*Thực hiện thường xuyên hàng năm*).

7. Cấp ủy các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Ban hành kế hoạch nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy (*Hoàn thành chậm nhất trong tháng 3/2025*)

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Đảng ủy cấp trên trực tiếp (*Thực hiện thường xuyên hàng năm và đột xuất khác theo yêu cầu*).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ thành ủy, Ủy viên Thành ủy, Bí thư các đảng bộ trực thuộc Thành ủy, người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác tuyên truyền, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm thể chế hóa

Chương trình hành động bằng các Nghị quyết phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định; thường xuyên tổ chức giám sát việc thực hiện.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xây dựng và ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án nhằm cụ thể hóa việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động.

4. Các ban của Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, có kế hoạch thường xuyên quán triệt, phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động.

5. Các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, địa phương, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy.

6. Văn phòng Thành ủy chủ trì cùng Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố, các ban của Thành ủy tham mưu, đề xuất việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, điều chỉnh, bổ khuyết các nội dung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành ủy.

7. Các đảng ủy, cơ quan, đơn vị sau khi được thành lập theo Nghị quyết 18-NQ/TW sẽ tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của các đảng đoàn, ban cán sự đảng, cơ quan, đơn vị trước khi kết thúc hoạt động, hợp nhất.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân thành phố,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố,
- Các huyện ủy, quận ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức trị - xã hội thành phố;
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy;
- Lưu Văn phòng Thành ủy.



Lê Tiến Châu

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW
(Kèm theo Chương trình hành động số 89-CTr/TU, ngày 25 tháng 02 năm 2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Top 3 các địa phương dẫn đầu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức cao của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	Thứ bậc	Một số lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, logistic đạt trình độ quốc tế	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Phấn đấu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số	Thứ bậc	Phấn đấu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
6	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế	Thứ bậc	Phấn đấu đứng top 3 toàn quốc	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Thông tin và Truyền thông
8	Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	62-65	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
9	Tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong công nghiệp chế biến, chế tạo	%	≥ 70	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 40	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
11.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Sở Thông tin và Truyền thông
11.3	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
11.4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông
11.5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Sở Thông tin và Truyền thông
11.7	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Văn phòng UBND Thành phố

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11.8	Tỷ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥ 30	Văn phòng UBND Thành phố
11.9	Tỷ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Văn phòng UBND Thành phố
11.10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
11.11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
11.12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND Thành phố
12	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 85	Ngân hàng Nhà nước thành phố
13	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST	%	≥ 40	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$> 0,7$	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GDP	2	Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ
16	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	> 60	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	Phần đầu đạt 3%	Sở Tài chính
18	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	12	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới	Tổ chức	40 - 50	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình	%/năm	10	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình	%/năm	16-18	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Tỷ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại	%	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Hạ tầng số		Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng	Sở Thông tin và Truyền thông
23.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
23.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	100	Sở Thông tin và Truyền thông
24	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại thành phố	Quận	>5	Sở Thông tin và Truyền thông UBND các Quận thuộc thành phố
25	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 1	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
26	Quản lý nhà nước từ cấp Thành phố đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100%	Sở Thông tin và Truyền thông
27	Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành	%	100	Công an thành phố
28	Hình thành sản dữ liệu	Sản dữ liệu	5	Công an thành phố
29	Hình thành các Trung tâm dữ liệu chung của thành phố	Trung tâm dữ liệu thành phố	≥ 03	Công an thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành
30	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành phố
31	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 70	Sở Thông tin và Truyền thông
32	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 95	Sở Y tế
33	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Sở Thông tin và Truyền thông
34	Hoàn thành xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của Công an thành phố	Cơ sở	01	Công an thành phố
35	Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam	%	50	Sở Thông tin và Truyền thông
36	Các chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo			
36.1	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ	%	$> 95\%$ đối với cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên		phổ thông và giáo dục thường xuyên; > 90% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục.	
36.2	Cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số; cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.3	Cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ GDĐT quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.4	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục	%	95	Sở Giáo dục và Đào tạo
36.5	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	%	85	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
36.6	Cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Đến năm 2045			
37	Quy mô kinh tế số	% GDP	≥ 60	Sở Thông tin và Truyền thông
38	Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu	Thứ bậc	≤ 100	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/ 1000 dân	1	Sở Thông tin và Truyền thông
40	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Doanh nghiệp	≥ 10	Sở Thông tin và Truyền thông
41	Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Thành phố.	Tổ chức, doanh nghiệp	≥ 5	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42	Làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia	%	20% - 50%	Công an Thành phố
43	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố đạt mức 2 trở lên	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo
44	Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	học và hoạt động giáo dục			
45	Cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.	%	100	Sở Giáo dục và Đào tạo